

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 785/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt lĩnh vực phát triển công nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển công nghiệp Bắc Giang phù hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, các Quy hoạch phát triển vùng, ngành của cả nước. Phát triển công nghiệp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển công nghiệp hiệu quả, bền vững và làm nền tảng phát triển các ngành dịch vụ và sản xuất khác; phát huy được lợi thế của tỉnh; sử dụng hợp lý tài

nguyên, lao động và đảm bảo các yêu cầu về môi trường; đảm bảo tính liên kết trên cơ sở phân bố hợp lý về không gian vùng động lực gắn liền với các trục giao thông chính của tỉnh và cơ cấu ngành công nghiệp.

- Phát triển công nghiệp có chọn lọc, ưu tiên phát triển những sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao, có giá trị gia tăng cao; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, chế biến nông lâm sản, điện tử, may mặc và công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề tạo ra sản phẩm phục vụ du lịch; rút ngắn dần khoảng cách về kinh tế - xã hội giữa nông thôn và thành thị, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát triển của khoa học công nghệ và nguồn nhân lực có trình độ cao. Tăng cường đầu tư chiều sâu, hợp tác đầu tư nước ngoài, đổi mới thiết bị công nghệ để tăng năng suất, hạ giá thành. Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh, liên vùng và liên ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các khu, cụm công nghiệp hiện có, gắn sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp với sự phát triển của hệ thống đô thị, dịch vụ. Ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp gia công chính xác để hình thành và tham gia cụm tương hỗ sản xuất sản phẩm chủ lực.

- Phát triển công nghiệp phải gắn liền với yêu cầu bảo vệ môi trường, tiến tới công nghệ xanh trong giai đoạn tới và bảo vệ an ninh quốc phòng.

- Điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ số lượng sang năng suất, chất lượng và hiệu quả; phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ; tăng cường phát triển công nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đến 2030 Bắc Giang cơ bản trở thành tỉnh có nền công nghiệp phát triển.

2. Mục tiêu phát triển:

Đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 131.740 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 24,2%/ năm; đến năm 2030, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 977.100 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 22,2%/năm.

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 là 14,4%/năm, giai đoạn 2021-2030 đạt 14,9%/năm; đóng góp trong cơ cấu GRDP của tỉnh từ 29,9% năm 2015, lên 37,4% năm 2020 và đạt 43,6% vào năm 2030.

3. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp:

3.1. Quy hoạch phát triển các phân ngành công nghiệp:

3.1.1. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cơ khí: Ưu tiên thu hút mạnh ngành cơ khí chính xác, sản xuất những sản phẩm công nghệ cao, giá trị gia tăng cao. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành cơ khí đạt 10.105 tỷ đồng (giá so sánh 2010), chiếm 7,7% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 18,5%; đến năm 2030, đạt 52.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 17,8%, chiếm 5,3% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.2. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Hóa chất: Phát triển công nghiệp hóa chất một cách bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành công nghiệp hóa chất đạt 9.950 tỷ đồng (giá so sánh 2010), chiếm 7,5% trong tổng giá trị SXCN của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 24,7%; đến năm 2030, đạt 67.700 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 21,1%, chiếm 6,9% trong tổng giá trị SXCN của tỉnh.

3.1.3. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp điện tử: Đến năm 2020 giá trị sản xuất ngành điện tử đạt 68.275 tỷ đồng (giá so sánh 2010), chiếm 51,83% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 25,8%; Đến năm 2030 đạt 570.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 23,6%, chiếm 58,34% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.4. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may, da giày: Phát triển theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại, hiệu quả và bền vững, lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành. Phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu dệt may, da giày, giảm nhập siêu. Đến năm 2020 giá trị sản xuất ngành Dệt may, da giày đạt 16.000 tỷ đồng (giá so sánh 2010), chiếm 12,15% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 25,1%; đến năm 2030, đạt 125.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình

quân giai đoạn 2021-2030 đạt 22,8%, chiếm 12,8% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.5. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm: Phát triển gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khai thác lợi thế so sánh của địa phương và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành chế biến nông, lâm sản-thực phẩm đạt 5.400 tỷ đồng (giá so sánh 2010), chiếm 4,1% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 27,8%; đến năm 2030, đạt 50.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 24,9%, chiếm 5,12% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

3.1.6. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất Vật liệu xây dựng: Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp ngành vật liệu xây dựng đến năm 2020 đạt 2.300 tỷ đồng, tăng bình quân 16,1%/năm, chiếm tỷ trọng 1,75% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; đến năm 2030, đạt 9.300 tỷ đồng, tăng bình quân 15,0%/năm, chiếm tỷ trọng 0,95% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.1.7. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Gắn phát triển với bảo vệ môi trường. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) ngành khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2020 đạt 800 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,6% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tăng trưởng bình quân 3,6%/năm; đến năm 2030, đạt 1.600 tỷ đồng, tăng bình quân 7,2%/năm, chiếm tỷ trọng 0,16% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.1.8. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT): Tập trung phát triển một số ngành như: linh kiện, phụ tùng; công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày; công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, đảm bảo đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang có công nghiệp tương đối phát triển với sản phẩm CNHT có khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu sản xuất, xuất khẩu của tỉnh. Đến năm 2030, CNHT tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phục vụ các ngành công nghiệp có công nghệ cao và sản xuất được các linh kiện, thiết bị hiện đại.

3.1.9. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp sản xuất điện nước: đảm bảo việc cung cấp điện được an toàn, ổn định phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt dân cư. Đồng thời phát triển các dạng năng lượng mới như biôga, năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) sản xuất và phân phối điện nước đến năm 2020 đạt 5.410 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 4,11% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tăng trưởng bình quân 24,4%/năm; đến năm 2030,

đạt 41.500 tỷ đồng, tăng bình quân 22,6%/năm, chiếm tỷ trọng 4,25% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

3.1.10. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề: Phân đầu đến năm 2020 có 65 làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, đều có trên 60% số hộ và trên 50% nhân khẩu tham gia làm nghề; các làng nghề tạo việc làm cho khoảng 32.000-35.000 nhân khẩu; mỗi làng nghề có ít nhất 1 tổ chức kinh tế thuộc loại hình doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

3.1.11. Quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp:

- *Khu công nghiệp:* Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 6 KCN với tổng diện tích 1.322 ha; định hướng đến năm 2030 bổ sung thành lập thêm 5 khu công nghiệp, nâng tổng số khu công nghiệp của tỉnh lên thành 11 khu, tổng diện tích 2.522 ha, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- *Cụm công nghiệp:* Đến năm 2020: Mở rộng diện tích 2 cụm công nghiệp với diện tích tăng thêm là 53 ha, thành lập mới 10 cụm công nghiệp với diện tích 297,7 ha nâng tổng số cụm công nghiệp thành 36 cụm với tổng diện tích là 882,5 ha. Định hướng đến năm 2030, tiếp tục thành lập mới 9 cụm công nghiệp tại các huyện với diện tích 305 ha, nâng số cụm công nghiệp đến năm 2030 là 45 cụm với tổng diện tích 1.187,5 ha.

3.2. Nhu cầu vốn đầu tư:

Nhu cầu vốn đầu tư: **73.633** tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 2016-2020: 31.351 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2030: 42.282 tỷ đồng. Vốn nhà nước: 344,15 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp: 73.289 tỷ đồng.

3.3. Nhu cầu sử dụng đất:

- Tổng diện tích đất đến 2020 cho các khu, cụm công nghiệp: 2.205 ha, trong đó: Khu công nghiệp: 1.322,5 ha; Cụm công nghiệp: 882,5 ha.

- Tổng diện tích đất đến 2030 cho các khu, cụm công nghiệp: 3.709,5 ha, trong đó: Khu công nghiệp: 2.522 ha; Cụm công nghiệp: 1.187,5 ha.

4. Giải pháp thực hiện:

Bao gồm 10 nhóm giải pháp để thực hiện quy hoạch, cụ thể: Giải pháp về vốn; Giải pháp về công nghệ; Giải pháp về đất đai; Giải pháp về nguồn nhân lực; Đào

tạo phải gắn với yêu cầu, mục tiêu của sự phát triển. Tập trung đào tạo các chuyên ngành cơ khí chế tạo, điện tử tin học, các ngành nghề đòi hỏi kỹ thuật cao. Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng cơ chế bồi dưỡng và thu hút nhân tài trong tất cả lĩnh vực, ngành nghề; nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục - đào tạo; Giải pháp vận động xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường và khuyến khích phát triển doanh nghiệp; Giải pháp về tổ chức quản lý; Giải pháp tập trung phát triển các nhóm sản phẩm, các ngành sản xuất có lợi thế cạnh tranh; Giải pháp hợp tác liên kết liên vùng và hợp tác phát triển; Giải pháp về bảo vệ môi trường và nhóm giải pháp mang tính đột phá.

(Có đề án quy hoạch điều chỉnh chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch

1. Sở Công Thương: Có trách nhiệm công bố, chỉ đạo triển khai và kiểm tra giám sát thực hiện quy hoạch; đề xuất và thực hiện hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại và các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến phát triển công nghiệp. Phối hợp trong công tác thẩm định các dự án sản xuất công nghiệp đầu tư vào địa bàn.

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch trong các kế hoạch hàng năm, 5 năm của ngành. Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp về điều hành thực hiện quy hoạch bảo đảm yêu cầu phát triển ngành công nghiệp trong mối quan hệ tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước trong ngành công nghiệp và các chính sách, giải pháp phát triển chuyên ngành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì thực hiện các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp chủ yếu, những dự án công nghệ cao và các dự án chuyển giao công nghệ; phối hợp với các ngành liên quan xây dựng các cơ chế hỗ trợ, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển công nghiệp.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan cân đối và bố trí vốn các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác trong kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện có hiệu quả các nội dung của quy hoạch được duyệt.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thực hiện chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường dự án; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường công nghiệp; xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất cho các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch.

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật lao động ở các doanh nghiệp, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các khu cụm công nghiệp; Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho sản xuất công nghiệp ở từng thời kỳ.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Tham mưu xây dựng, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp; nghiên cứu, đổi mới, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ.

7. Sở Xây dựng: Hướng dẫn, thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình, hạng mục công trình trên địa bàn. Phối hợp với các sở ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các nhà đầu tư đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng theo định hướng của quy hoạch.

8. Sở Giao thông vận tải: Lập kế hoạch và thực hiện xây dựng, nâng cấp các tuyến giao thông đến các khu, cụm công nghiệp, xây dựng, nâng cấp các đầu mối giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển từng thời kỳ.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Công Thương triển khai thực hiện phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, chế biến gỗ và phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch các vùng nguyên liệu nông, lâm sản đảm bảo năng suất và chất lượng đáp ứng đủ nhu cầu cho công nghiệp chế biến.

10. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình vận động thu hút đầu tư, thẩm định, lựa chọn các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp phù hợp quy hoạch, theo phân cấp quản lý; theo dõi, kiểm tra thực hiện dự án đúng ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

11. Các Sở, ngành liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai các công việc liên quan để thực hiện quy hoạch.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn do địa phương quản lý, có định hướng và kế hoạch phát

triển sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, định hướng Quy hoạch. Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch về phát triển công nghiệp trên địa bàn phù hợp với quy hoạch và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch trên phạm vi địa bàn quản lý. Phối hợp với ngành công thương và các ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

Các Sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

	TM.	ỦY	BAN	NHÂN	DÂN		
	KT.		CHỦ		TỊCH		
<i>Nơi</i>	<i>nhận:</i>		PHÓ	CHỦ	TỊCH		
-	Như	điều	3;				
-	Bộ	Công	Thương;				
-	TT	Tỉnh	ủy, TT	HĐND	tỉnh;		
-	Chủ	tịch,	các	PCT	UBND	tỉnh;	
-	Báo	Bắc	Giang,	Đài	PTTH	tỉnh;	Dương Văn Thái
-	Văn	phòng	UBND	tỉnh:			
+	LĐVP,	TKCT,	các	phòng,	THCB;		
+	Lưu:	VT,	TPKT.				